



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

QL 13 – Thuận Giao – Thuận An – Bình Dương

ĐT : 0650 3718031 FAX : 0650 3718026



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
<b>ĐẾN</b>	Số: 9709
	Già Ngày 30 tháng 03 năm 11

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**NĂM 2010**





# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## NĂM 2010

### I - LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An tiền thân là doanh nghiệp cổ phần 100% vốn Nhà nước do 10 doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng công ty Cao su Việt Nam (nay là Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam) góp vốn thành lập từ tháng 01 năm 2002. Được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4603000035 ngày 24 tháng 12 năm 2001, có trụ sở đặt tại QL 13 - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương.

Vị trí Công ty đặt tại trung tâm các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương cách thành phố Hồ Chí Minh 23 km, cách thị xã Thủ Dầu Một 7 km.

Diện tích mặt bằng trụ sở Công ty đặt tại huyện Thuận An tỉnh Bình Dương là: 29.877 m<sup>2</sup> trong đó, diện tích nhà xưởng sản xuất là: 14.547 m<sup>2</sup> (chiếm 49% tổng diện tích) đường giao thông nội bộ, sân bãi là: 11.376,5 m<sup>2</sup> (chiếm 38% tổng diện tích) sân vườn cây xanh là 3.963,5 m<sup>2</sup> (chiếm 13% tổng diện tích).

Tháng 04 năm 2005, thực hiện theo quyết định số 193/QĐ-KHĐT ngày 02 tháng 03 năm 2005 của Hội đồng quản trị Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam, Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An bán 49 % cổ phiếu của các cổ đông sáng lập ra thị trường cho các nhà đầu tư khác.

Tháng 01 năm 2006, công ty đã phát hành thêm 4,4 triệu cổ phiếu để đầu tư dự án xây dựng nhà máy tại Xã Minh Hưng - Chơn Thành - Bình Phước, nâng vốn điều lệ của công ty lên mức **84,0775** tỷ đồng.

Diện tích mặt bằng chi nhánh của Công ty đặt tại huyện Chơn Thành tỉnh Bình Phước (Nhà máy chế biến gỗ Bình Phước – Giai đoạn 1) là: 195.000 m<sup>2</sup> trong đó, diện tích nhà xưởng là 27.080 m<sup>2</sup>.

Ngày 23 tháng 07 năm 2007, Công ty CP chế biến gỗ Thuận An chính thức niêm yết 8.407.750 Cổ phiếu lên Trung tâm giao dịch Chứng khoán Tp.HCM với mã chứng khoán GTA và GTA đã trở thành cổ phiếu đầu tiên trong năm 2007 niêm yết và giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM và cũng là cổ phiếu đầu tiên áp dụng quy định mới về giá chào sàn.

Ngày 22/10/2007, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 200/UBCK-GCN cho Công ty Cổ phần chế biến



gỗ Thuận An với số lượng 1.992.250 cổ phiếu nhằm huy động vốn đầu tư tiếp nhà máy Bình Phước, nâng tổng vốn điều lệ lên thành 104 tỷ đồng.

Trong thời gian từ 12/03/2008 đến 12/06/2008, Công ty đã tiến hành mua lại 270.000 cổ phiếu quỹ, với mức giá bình quân 16.177 đồng/CP, tương đương 4.367.674.414 đồng.

Ngày 26/06/2008 Công ty đã tiến hành chuyển nhượng phần góp vào Công ty Cao su Chư Prông số tiền 1.438.111.250 đồng với mức giá chuyển nhượng là 3.595.278.125 đồng.

#### **📌 Ngành nghề kinh doanh :**

- ✓ Khai thác và sơ chế gỗ; Cửa xẻ gỗ thành ván; Bảo quản gỗ; Sản xuất gỗ dán; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ.
- ✓ Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng nhà ở; Xây dựng công trình kỹ thuật; Xây dựng công trình công nghiệp; Lắp đặt đồ gỗ trong xây dựng.
- ✓ Mua bán giường, tủ, bàn, ghế; Mua bán gỗ các loại; Mua bán thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp và xây dựng;
- ✓ Mua bán mủ cao su.

#### **📌 Quá trình phát triển :**

Hiện nay, sản phẩm đồ gỗ xuất khẩu của Công ty đã nhiều năm liền cạnh tranh được về mặt chất lượng sản phẩm với các nước ASEAN như Indonesia, Malaysia, Thái Lan... trên thị trường Châu Âu, Mỹ... Thị trường Mỹ và Châu Âu là 2 thị trường khó tính nhưng tính ổn định cao và là thị trường truyền thống của Công ty trong các năm qua. Sản phẩm đồ gỗ của Công ty đã tạo được uy tín và có được bạn hàng gần bó lâu dài, hợp tác mở rộng thị trường, giúp đầu tư máy móc thiết bị hiện đại và đảm bảo được nhu cầu tiêu thụ sản phẩm với số lượng lớn và tăng trưởng liên tục. Năm 2005 và năm 2006 Công ty được bình chọn là doanh nghiệp xuất khẩu có uy tín. Cụ thể, năm 2005 được Bộ thương mại bình chọn là doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc, được tặng bằng khen và thưởng xuất khẩu năm 2005 là 300 triệu đồng.

Năm 2007 Công ty chuyển phần lớn doanh thu từ hàng ngoài trời (outdoor) từ thị trường Châu Âu sang mặt hàng trong nhà (indoor) cho thị trường Mỹ.

Năm 2008, để đối mặt với sự bất ổn định của thị trường Mỹ, Công ty đã phát triển thêm một số dòng sản phẩm giá rẻ mới bên cạnh những dòng sản phẩm xuất khẩu truyền thống trước đây.

Năm 2009 mặc dù bị ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế toàn cầu nhưng với sự nỗ lực của ban điều hành và toàn thể cán bộ CNV Công ty đã vượt qua khó khăn và đạt được kết quả tương đối khả quan. Được Bộ Công Thương bình chọn là "Doanh nghiệp xuất



nhập khẩu uy tín” theo quyết định số 2879/QĐ – BCT ngày 01 tháng 06 năm 2010 và Bằng khen “Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch 5 năm (2005-2009)” theo quyết định số 3947/QĐ – BCT ngày 27 tháng 07 năm 2010 do Bộ trưởng Bộ Công Thương tặng

Trong năm 2010 Công ty tập trung sản xuất những mặt hàng trong nhà với những sản phẩm yêu cầu kỹ thuật tinh tế và có giá trị kinh tế cao.

Các sản phẩm của Công ty hoàn toàn sử dụng nguồn nguyên liệu gỗ rừng trồng trong nước (cao su và trầm) cho nên có thể chủ động được nguồn nguyên liệu cho sản xuất, hạn chế việc tăng chi phí từ nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

Để đạt được hiệu quả cao hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay, song song với việc duy trì và phát triển thị trường Mỹ và Châu Âu đang có thể lực. Công ty đang nỗ lực hiện đại hoá công tác tổ chức quản lý nhằm giảm chi phí sản xuất, tạo thế mạnh cho việc cạnh tranh mạnh mẽ để mở rộng thị trường tiêu thụ đồ gỗ sang các thị trường tiêu thụ khác như Nhật Bản và các nước khác trong khu vực.

Sản phẩm chủ yếu tiêu thụ ở thị trường nội địa là các loại phôi gỗ cao su sấy và các loại ván ghép bán cho các nhà máy tinh chế trên các địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh...

#### **📌 Định hướng phát triển**

Bước vào năm 2011 nền kinh tế Thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng đang đứng trước rất nhiều bất ổn và thách thức. Trước tình hình đó và trên cơ sở năng lực thực tế của Công ty về máy móc thiết bị và nguồn nhân lực, Ban điều hành Công ty đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 với mức tăng trưởng khiêm tốn hơn những năm trước:

Về sản lượng Tinh chế, kế hoạch năm 2011 chỉ bằng 93,8% so với năm 2010.

Về Cơ cấu mặt hàng chủ yếu là hàng trong nhà nên mặc dù sản lượng tinh chế giảm nhưng doanh thu xuất khẩu tăng 10% so với năm 2010.

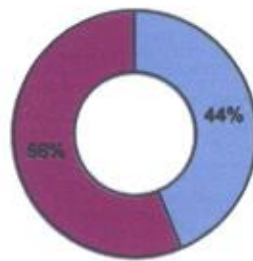
Phương hướng sản xuất trong năm 2011 là cơ cấu lại sản phẩm theo hướng tăng tỷ trọng hàng trong nhà trong tổng sản lượng hàng tinh chế.

Xí nghiệp Tinh chế trung tâm: ổn định sản xuất và tăng cường sản phẩm có giá trị cao.

Chi nhánh Bình Phước: đẩy mạnh sản xuất hàng trong nhà từ 3% lên 30% và hướng tới sản xuất hàng trong nhà chiếm 70% trong 03 năm tới, xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân có tay nghề và gắn bó với Công ty để đảm bảo tiến độ giao hàng và chất lượng sản phẩm.

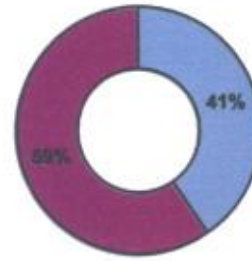


Cơ cấu doanh thu 2011



■ Nội địa ■ Xuất khẩu

Cơ cấu doanh thu 2011



■ Sơ chế ■ Tinh chế

Để giảm áp lực lao động, tăng doanh thu Công ty sẽ tăng cường khâu gia công bên ngoài từ các công đoạn ghép ván và làm bán thành phẩm, đồng thời tăng cường lao động cho các công đoạn sơn, lắp ráp hoàn chỉnh, đóng gói xuất hàng.

## II - BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Khủng hoảng kinh tế toàn cầu gây ra nhiều khó khăn cho ngành chế biến gỗ Việt Nam như thị trường xuất khẩu trọng điểm bị thu hẹp, hàng hóa tồn đọng, giá đầu ra giảm, dẫn tới các đơn hàng vừa giảm, vừa khó thực hiện. Còn giải pháp kích cầu của Chính phủ hiện nay với những điều kiện cho vay chặt chẽ, khó khăn, thời gian cho vay ngắn, khó đưa đồng vốn với lãi suất vay ưu đãi đến với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tuy nhiên, đây cũng có thể là cơ hội lớn cho ngành chế biến gỗ tái cấu trúc lại để có thể đủ năng lực cạnh tranh, đổi mới dây chuyền công nghệ sản xuất, đào tạo đội ngũ quản lý, lao động...

Công ty cổ phần chế biến gỗ Thuận An có những thuận lợi cơ bản là đã tạo được uy tín với khách hàng nên ngay từ đầu năm đã nhận được đơn hàng đáp ứng cho doanh thu kế hoạch năm.

Về nguồn vốn, công ty đủ khả năng tự cân đối vốn trong sản xuất kinh doanh đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn trong quá trình sản xuất.

Năm 2010 mặc dù đã thoát khỏi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, nền kinh tế thế giới đã dần ổn định, nhưng những khó khăn do hậu quả của khủng hoảng gây ra vẫn chưa hoàn toàn được khắc phục. Biến động tăng của tỷ giá hối đoái là một lợi thế cho các doanh nghiệp xuất khẩu nhưng đó cũng là nguyên nhân khiến giá cả nguyên vật liệu đầu vào gia tăng đã ảnh hưởng tới giá thành sản phẩm.

Mặt khác, do tình trạng luôn bị thiếu lao động nên các nhà máy thường xuyên phải tăng ca, làm thêm chủ nhật. Bên cạnh đó, để đảm bảo lịch giao hàng, nhà máy còn phải tăng cường gia công bán thành phẩm bên ngoài và đầu tư máy móc thiết bị để giảm áp lực về lao động. Tình trạng cắt điện luân phiên cũng ảnh hưởng lớn đến kế hoạch đơn hàng cũng như năng suất sản xuất của doanh nghiệp.



Để vượt qua khó khăn, HĐQT đã chỉ đạo ban điều hành công ty trên tinh thần phát huy tối đa nội lực sẵn có: sự nhất trí cao trong ban giám đốc, sự nỗ lực hết mình, tinh thần đoàn kết vượt khó của toàn thể CB-CNV, thực hiện tiết kiệm về nhân công, thời gian cũng như nguyên vật liệu.

Kết quả là, kết thúc năm tài chính 2010, tổng doanh thu công ty đạt 396,71 tỷ đồng đạt 129,98% kế hoạch, tăng 38,53% so với năm 2009. Trong đó, doanh thu xuất khẩu đạt 206,48 tỷ, tương đương 107,09% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế năm 2010 là 15,398 tỷ đồng, đạt 102,65% so với kế hoạch năm 2010, tăng 32,82% so với năm 2009.

Kết quả này cho thấy sự nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên cũng như ban điều hành Công ty trong năm qua.

Bước sang năm 2011 là năm nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng đang đứng trước rất nhiều bất ổn và thách thức. Trước tình hình đó và trên cơ sở năng lực thực tế của Công ty về thiết bị, nhân lực, Hội đồng quản trị Công ty đã đưa ra kế hoạch kinh doanh năm 2011 với các mục tiêu chính như: tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được trong năm 2010, giữ vững khách hàng trên cơ sở uy tín về chất lượng và tiến độ giao hàng, phát triển thêm khách hàng và các dòng sản phẩm nhiều tiềm năng.

Một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch kinh doanh năm 2011 mà Hội đồng quản trị đã thông qua:

CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện	Kế hoạch	Tăng trưởng
		2010	2011	so với năm 2010
Doanh thu tiêu thụ	Tỷ đồng	396,70	405,16	2,1%
Lợi nhuận trước thuế	"	15,39	17,00	10,5%
Lợi nhuận sau thuế	"	12,24	13,60	11,1%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn góp	%	11,77	13,08	11,1%

Phần đầu hoàn thành kế hoạch đã đặt ra, Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát tình hình biến động của thị trường cũng như chính sách vĩ mô của Chính phủ để đưa ra những chỉ đạo kịp thời cho Ban giám đốc Công ty.

Bên cạnh đó, HĐQT cũng kiên quyết tái cấu trúc lại chi nhánh Bình Phước bằng việc cử Phó giám đốc Công ty thay thế Giám đốc chi nhánh cũng như thay đổi một số vị trí quan trọng trong các phòng ban tại Chi nhánh, chuyển đổi cơ cấu sản phẩm theo xu hướng tăng tỷ trọng hàng trong nhà thay cho hàng ngoài trời như hiện nay.

Để đưa Công ty cổ phần chế biến gỗ Thuận An ổn định và phát triển bền vững, HĐQT luôn mong muốn sự hỗ trợ và gắn kết lâu dài của Quý cổ đông và các đối tác.



### III - BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong điều kiện khó khăn về lao động cũng như việc thiếu điện thường xuyên trong năm 2010, mặt khác giá bán sản phẩm thì không tăng nhưng giá đầu vào của hầu hết các loại vật tư đều tăng. Ban điều hành công ty đã tăng cường tổ chức sản xuất với công suất cao, tăng cường làm thêm giờ để bù đắp cho thời gian cắt điện, kết quả là tỷ suất lợi nhuận trên vốn góp đã tăng 32,99% so với năm 2009.

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo : book value ( vốn chủ sở hữu / vốn điều lệ ) là 1,51

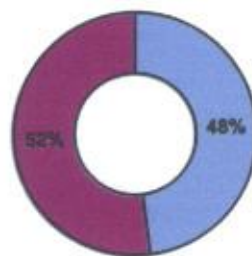
- ❖ Tổng số cổ phiếu phổ thông: 10.400.000 CP
- ❖ Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 10.130.000 CP
- ❖ Số lượng cổ phiếu quỹ: 270.000 CP
- ❖ Chia cổ tức năm 2010 là 9% (900 đồng/cổ phiếu)

#### \*TÓM TẮT KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2010

##### 1/ Doanh thu - Lợi nhuận:

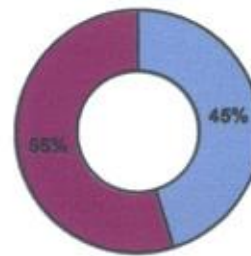
Năm 2010, tổng doanh thu công ty đạt 396,71 tỷ đồng đạt 129,98% kế hoạch, tăng 38,53% so với năm 2009. Trong đó, doanh thu xuất khẩu đạt 206,48 tỷ, tương đương 107,09% kế hoạch.

Cơ cấu doanh thu 2010



■ Nội địa ■ Xuất khẩu

Cơ cấu doanh thu 2010

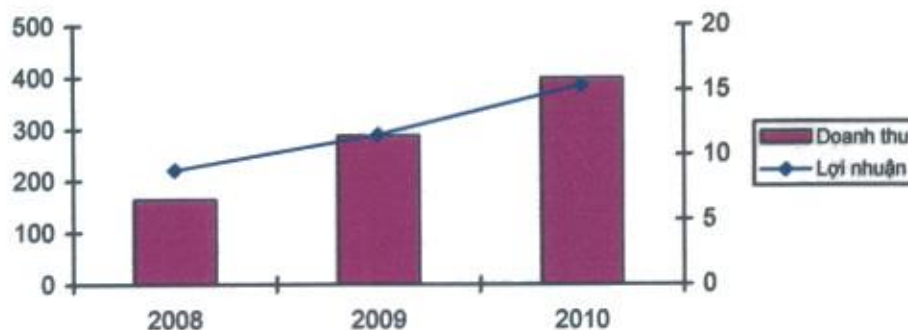


■ Sơ chế ■ Tinh chế

Lợi nhuận trước thuế năm 2010 là 15,398 tỷ đồng, đạt 102,65% so với kế hoạch năm 2010, tăng 32,82% so với năm 2009.



Doanh thu - Lợi nhuận



## 2/ Đầu tư XDCB và mua sắm MMTB:

Trong năm 2010 tổng đầu tư XDCB và mua sắm MMTB của công ty là 5,55 tỷ đồng, trong đó mua sắm MMTB là 4,707 tỷ đồng và đầu tư xây lắp là 843 triệu đồng. Cụ thể trong năm công ty đã hoàn thành và tăng tài sản đối với công trình nhà ở công nhân 2 trên chi nhánh Bình Phước với giá trị 716 triệu đồng, cải tạo nhà vệ sinh cho xí nghiệp tính chế trung tâm trị giá 105 triệu đồng và vòm cửa xưởng sơn trị giá 22 triệu đồng.

## 3/ Nguồn vốn khấu hao TSCĐ:

Nguồn khấu hao đã trích trong năm 2010 là 11,28 tỷ, trong đó: tại Thuận An trích được 5,12 tỷ và Chi nhánh Bình Phước là 6,16 tỷ.

Tính đến 31/12/2010 tổng nguồn khấu hao công ty đã trích được: 57,94 tỷ đồng. Công ty đã tiến hành XDCB, mua sắm MMTB phục vụ cho việc sản xuất tại Công ty từ nguồn vốn khấu hao 23,06 tỷ đồng. Như vậy, tổng nguồn vốn khấu hao còn lại của công ty tính đến 31/12/2009 là 34,88 tỷ đồng. Hiện tại nguồn vốn này đang sử dụng làm vốn lưu động tại công ty.

Tổng TSCĐ toàn công ty có đến 31/12/2010 là 127 tỷ đồng, trong đó: Chi nhánh Bình Phước: 73,7 tỷ đồng, tại Thuận An: 53,3 tỷ đồng. Tổng giá trị còn lại là 69,1 tỷ đồng, trong đó: Chi nhánh Bình Phước: 51,2 tỷ đồng, tại Thuận An: 17,9 tỷ đồng.

## 4/ Việc mở rộng đầu tư :

Năm 2010 Công ty đã góp vốn vào Công ty CP cao su Phú Thịnh thêm 300 triệu đồng, Tới thời điểm hiện nay, tổng vốn đầu tư góp vốn vào Công ty CP cao su Phú Thịnh là 7,8 tỷ đồng. Trong đó, Công ty góp 2 tỷ và cá nhân góp 5,8 tỷ đồng.

Năm 2010, Công ty CP cao su Phú Thịnh đã trồng mới được 142,22 ha cây cao su nâng tổng diện tích cây cao su lên 1.751,66 ha, doanh thu 2010 đạt 148 tỷ và lợi nhuận sau thuế đạt 3 tỷ đồng.





### Một số chỉ tiêu thực hiện năm 2010

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2010	THỰC HIỆN 2010	TỶ LỆ % TH/KH	TỶ LỆ % TH10/TH09
<b>I</b>	<b>SẢN XUẤT</b>					
1	Khai thác	Stc		196.000	138,40	420,72
2	Sơ chế	m3	40.500	50.983	125,9	112,4
3	Tính chế	m3	7.500	7.460	99,5	127,0
<b>II</b>	<b>DOANH THU TIÊU THỤ</b>	Tỷ đồng	305,20	396,70	130,0	138,5
	Trong đó: + Nội địa:	"	112,40	190,20	169,2	139,5
	+ Xuất khẩu:	"	192,80	206,50	107,1	137,6
<b>III</b>	<b>THU NHẬP DOANH NGHIỆP</b>					
1	Tổng thu nhập trước thuế	"	15,00	15,4	102,7	132,8
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	"	3,00	3,16	105,3	132,4
3	Thu nhập sau thuế	"	12,00	12,24	102,0	133,0
4	Tỉ suất lợi nhuận trên vốn góp	%	11,54	11,77	102,0	133,0
<b>IV</b>	<b>KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XDCB</b>					
1	Mua sắm MMTB	"	7,00	4,60	66,7	250,0
2	Đầu tư xây lắp	"	3,30	2,20	65,7	157,5
<b>V</b>	<b>LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG</b>					
1	Lao động bình quân	người	1.010	865	85,6	103,8
2	Tổng quỹ lương - thưởng	Tỷ đồng	34,55	37,25	107,8	133,0
3	Thu nhập bình quân	đ/ng/thg	2.850.660	3.591.317	126,0	128,2

### Một số chỉ tiêu tài chính :

Chỉ tiêu	ĐVT	NĂM 2010	NĂM 2009
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>1.1. Bố trí cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	34,31	38,42
Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	61,16	61,58
<b>2.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	23,37	28,80
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	76,63	71,20
<b>2. Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2,62	2,13
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	2,63	2,14
Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,17	0,19
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh	%	3,78	3,9
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	3,00	3,1
<b>3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng TS	%	7,50	5,3
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng TS	%	5,97	4,21
<b>3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn góp</b>	%	11,77	8,85



Với định hướng phát triển bền vững, ban điều hành công ty đã xác định chiến lược khách hàng cũng như phương hướng hành động trong thời gian sắp tới như sau:

- Tiếp tục công tác củng cố bộ máy điều hành quản lý tại Công ty cũng như ở chi nhánh Bình Phước.
- Trang bị thêm và tái đầu tư một số máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ mới phục vụ sản xuất, tiến hành bảo trì và đại tu những máy móc đã sử dụng lâu năm, tiến tới tiết giảm chi phí nhân công nhưng vẫn đảm bảo được năng suất sản xuất, giảm thiểu lao động phổ thông.
- Giữ vững khách hàng và thị trường truyền thống (Châu Âu, Bắc Mỹ, Úc), chủ động khai thác thêm thị trường mới, khách hàng mới, đem lại hiệu quả kinh doanh tốt hơn, từng bước thâm nhập thị trường nội địa.
- Ưu tiên lựa chọn khách hàng có sản phẩm sản xuất bằng gỗ cao su và ván MDF nhằm giúp công ty chủ động hơn trong vấn đề nguyên liệu.
- Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo giao hàng đúng tiến độ và giữ uy tín với khách hàng, xem chất lượng sản phẩm là nền tảng của sự phát triển bền vững.
- Tăng cường quản lý định mức kinh tế kỹ thuật, giảm chi phí để tăng hiệu quả sản xuất, bố trí sản xuất hợp lý, hạn chế ảnh hưởng của việc thiếu điện ở mùa khô 2011.
- Triển khai mua nguyên liệu sớm để tận dụng thời điểm giá thấp và đảm bảo cung cấp kịp thời nguyên liệu cho sản xuất đồng thời phát triển nhà thầu phụ gia công bán thành phẩm cho Công ty nhằm tăng công suất và đáp ứng nhu cầu đơn hàng.
- Quan tâm và chăm lo đời sống cho CBCNV về vật chất cũng như tinh thần, cải thiện tốt hơn môi trường làm việc, tăng thu nhập cho người lao động. Không ngừng đào tạo huấn luyện nâng cao tay nghề, kỹ năng cho người lao động, thu hút lao động giỏi.



#### IV - BÁO CÁO TÀI CHÍNH

##### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị : VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01	VI.25	396.711.485.409	286.363.090.948
2.	Các khoản giảm trừ	03	VI.26	2.828.374.458	
3.	<b>Doanh thu thuần</b>	10	VI.27	393.883.110.951	286.363.090.948
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.28	371.215.727.889	272.151.149.280
5.	<b>Lợi nhuận gộp</b>	20		22.667.383.062	14.211.941.668
6.	<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	21	VI.29	9.890.850.042	9.194.178.149
7.	Chi phí tài chính	22	VI.30	1.016.200.559	596.289.907
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		428.018.542	372.175.143
8.	Chi phí bán hàng	24		4.685.869.893	2.851.768.844
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.466.845.879	9.813.324.041
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		14.389.316.773	10.144.737.025
11.	Thu nhập khác	31		1.122.092.994	1.587.467.970
12.	Chi phí khác	32		32.311.113	139.516.168
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	40		1.089.781.881	1.447.951.802
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		15.479.098.654	11.592.688.827
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.31	3.238.974.329	2.386.901.854
17.	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		12.240.124.325	9.205.786.973
18.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70		1.208	909

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: VND

	<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b><u>125.480.199.133</u></b>	<b><u>134.758.318.930</u></b>
I.	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>8.031.042.891</b>	<b>11.064.763.000</b>
1.	Tiền	111	V.1	4.231.042.891	11.064.763.000
2.	Các khoản tương đương tiền	112		3.800.000.000	
II.	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			<b>807.345.000</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2		807.345.000
III.	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>24.375.115.777</b>	<b>33.880.308.481</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		21.283.731.280	24.809.423.658
2.	Trả trước cho người bán	132		3.105.914.739	9.291.421.263
5.	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	V.3	313.541.995	103.314.527
6.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(328.072.237)	(323.850.967)
IV.	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>85.007.966.445</b>	<b>84.094.242.039</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.4	85.219.772.096	84.418.053.441
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(211.805.651)	(323.811.402)
V.	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.066.074.020</b>	<b>4.911.660.410</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		637.857.142	606.883.886
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.894.074.801	4.076.671.443
3.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		4.151.568.736	
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		382.573.341	228.105.081
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b><u>73.896.547.290</u></b>	<b><u>84.057.650.921</u></b>
I.	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
II.	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>70.396.504.964</b>	<b>75.379.367.728</b>
1.	TSCĐ hữu hình	221	V.8	69.120.055.904	74.843.767.186
	- Nguyên giá	222		127.062.506.063	121.602.229.826
	- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(57.942.450.159)	(46.758.462.640)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1.276.449.060	535.600.542
III.	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
IV.	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>7.500.000.000</b>
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	2.000.000.000	7.500.000.000
V.	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.500.042.326</b>	<b>1.178.283.193</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.500.042.326	1.178.283.193
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>199.376.746.423</b>	<b>218.815.969.851</b>





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2010	Năm 2009
<b>I -</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỬ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH</b>				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		396.188.938.067	292.024.852.830
2	Tiền trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(342.769.105.217)	(250.313.369.722)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(34.608.406.428)	(24.867.542.024)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		(428.018.542)	(372.175.143)
5	Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(4.720.140.479)	(943.802.795)
6	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	06		4.100.954.172	7.447.545.186
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(10.040.933.181)	(22.683.368.875)
	<i>Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<b>20</b>		<b>7.723.288.392</b>	<b>292.139.457</b>
<b>II -</b>	<b>II-LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.496.923.837)	(228.309.955)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS ngắn hạn khác	22		-	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(97.952.500.000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			100.376.507.363
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(300.000.000)	(300.000.000)
6	Tiền thu hồi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi tức được chia	27		2.985.783.388	2.033.795.138
	<i>Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>		<b>(3.811.140.449)</b>	<b>3.929.492.546</b>
<b>III -</b>	<b>III-LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ THUẦN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1	Thu tiền từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2	Tiền chi trả vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN phát hành	32		-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		38.040.000.000	30.577.100.000
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(38.040.000.000)	(30.577.100.000)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.091.000.000)	(5.881.438.914)
	<i>Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		<b>(7.091.000.000)</b>	<b>(5.881.438.914)</b>
	<i>Lưu chuyển thuần trong kỳ</i>	<b>50</b>		<b>(3.178.852.057)</b>	<b>(1.659.806.911)</b>
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	11.064.763.000	12.933.069.911
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		145.131.948	(208.500.000)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	8.031.042.891	11.064.763.000



**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị: VND

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
<b>1. Tiền</b>		
- Tiền mặt	50.949.513	305.946.959
- Tiền gửi ngân hàng	4.180.093.378	10.758.816.041
- Tiền đang chuyển		-
- Các khoản tương đương tiền	3.800.000.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>8.031.042.891</u></b>	<b><u>11.064.763.000</u></b>
<b>2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Tiền gửi có KH tại NH TMCP Á Châu		807.345.000
- Đầu tư ngắn hạn khác		-
<b>Cộng</b>		<b><u>807.345.000</u></b>
<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác:</b>		
	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Dự thu lãi đầu tư ngắn hạn	-	-
- Lãi thu từ góp vốn liên doanh	-	-
- Phải thu khác	313.541.995	103.314.527
<b>Cộng</b>	<b><u>313.541.995</u></b>	<b><u>103.314.527</u></b>
<b>4. Hàng tồn kho:</b>		
	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Hàng mua đang đi đường	9.195.580.887	11.162.132.208
- Nguyên liệu, vật liệu	8.251.152.902	9.987.469.965
- Công cụ, dụng cụ	157.546.064	112.910.814
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.665.096.308	28.647.117.837
- Thành phẩm	39.950.395.935	34.508.422.617
- Hàng hoá		-
- Hàng gửi bán		-
<b>Cộng</b>	<b><u>85.219.772.096</u></b>	<b><u>84.418.053.441</u></b>
<b>5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước:</b>		
	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Thuế GTGT nộp thừa		
- Thuế TNDN nộp thừa		
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	4.151.568.736	
<b>Cộng</b>	<b><u>4.151.568.736</u></b>	

8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu kỳ	60.575.374.253	42.913.202.077	17.202.984.790	910.668.706	-	121.602.229.826
- Mua trong kỳ	-	3.331.726.182	1.376.097.591	-	-	843.425.364
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	843.425.364	-	-	-	-	90.972.900
- Tàng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	90.972.900-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>61.418.799.617</u>	<u>46.244.928.259</u>	<u>18.579.082.381</u>	<u>819.695.806</u>	<u>-</u>	<u>127.062.506.063</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LƯỖY KẾ</b>						
Số dư đầu kỳ	19.543.258.839	22.179.577.438	4.241.648.905	793.977.458	-	46.758.462.640
- Khấu hao trong kỳ	4.330.103.122	5.293.089.792	1.601.654.704	50.112.801	-	11.274.960.419
- Tàng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	90.972.900	-	90.972.900
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>23.873.361.961</u>	<u>27.472.667.230</u>	<u>5.843.303.609</u>	<u>753.117.359</u>	<u>-</u>	<u>57.942.450.159</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu kỳ	<u>41.032.115.414</u>	<u>20.733.624.640</u>	<u>12.961.335.885</u>	<u>116.691.248</u>	<u>-</u>	<u>74.843.767.187</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>37.545.437.656</u>	<u>18.772.261.030</u>	<u>12.735.778.772</u>	<u>66.578.447</u>	<u>-</u>	<u>69.120.055.904</u>





Đơn vị: VND

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Tổng số chi phí XDCB dở dang:	<b>1.276.449.060</b>	<b>535.600.542</b>
Trong đó:		
+ Chi phí XDCB	1.158.539.969	409.749.060
+ Chi phí mua sắm MMTB	117.909.091	125.851.482

**13. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Đầu tư cổ phiếu	-	-
- Đầu tư trái phiếu	-	-
- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	2.000.000.000	7.500.000.000
<i>Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư</i>		
<i>Xây dựng Cao su Phú Thịnh</i>	(i) <u>2.000.000.000</u>	<u>7.500.000.000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>2.000.000.000</u></b>	<b><u>7.500.000.000</u></b>

(i): Khoản góp vốn 2.000.000.000 đồng tương ứng với 20.000 cổ phần chiếm 2,0% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phú Thịnh tính đến thời điểm 31/12/2010.

Phần ủy thác đầu tư của cán bộ công nhân viên 5.800.000.000 đồng cho Công ty CP chế biến gỗ Thuận An tham gia góp vốn vào Công ty CP đầu tư xây dựng Phú Thịnh đang trình bày trên chi tiêu ngoài bảng cân đối kế toán.

Đối với các cán bộ công nhân viên tham gia góp vốn sẽ được hưởng cổ tức và gánh chịu rủi ro (nếu có) theo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phú Thịnh.

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Chi phí lập website, hệ thống ISO 9001	-	-
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.500.042.326	1.178.283.193
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.500.042.326</u></b>	<b><u>1.178.283.193</u></b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Thuế giá trị gia tăng		693.416.654
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	717.921.225	2.199.087.375
- Thuế thu nhập cá nhân	37.001.686	26.047.109
- Thuế tài nguyên	-	-
- Các loại thuế khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>754.922.911</u></b>	<b><u>2.918.551.138</u></b>

Đơn vị: VND



17. Chi phí phải trả:

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Trích trước chi phí hàng xuất khẩu	260.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>260.000.000</b>	

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác:

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Tài sản thừa chờ xử lý	(i) 81.942.583	212.787.713
- Bảo hiểm xã hội, y tế		120.658.979
- Kinh phí công đoàn	294.632.567	30.686.037
- Phải trả khác	(ii) 342.157.582	5.973.362.276
<b>Cộng</b>	<b>718.732.732</b>	<b>6.337.495.005</b>

(i): Tài sản thừa chờ xử lý là giá trị thành phẩm, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ thừa theo số liệu thực tế kiểm kê tại ngày 31/12/2010



**22. Vốn chủ sở hữu**

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>104.000.000.000</b>	<b>41.982.000.000</b>	<b>(4.367.674.414)</b>	-	<b>2.014.733.950</b>	<b>2.333.926.604</b>	<b>7.631.274.157</b>	<b>153.594.260.297</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	9.205.786.973	9.205.786.973
- Tăng khác	-	-	-	(237.650.118)	610.501.933	610.501.933	-	983.353.748
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức năm 2008	-	-	-	-	(329.298.774)	(2.864.247.722)	(6.078.000.000)	(6.078.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(329.298.774)	(2.864.247.722)	(1.553.274.158)	(4.746.820.654)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>+Số dư đầu năm nay</b>	<b>104.000.000.000</b>	<b>41.982.000.000</b>	<b>(4.367.674.414)</b>	<b>(237.650.118)</b>	<b>2.295.937.109</b>	<b>80.180.815</b>	<b>9.205.786.972</b>	<b>152.958.580.364</b>
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	12.240.124.325	12.240.124.325
- Tăng khác	-	-	-	237.650.118	-	-	-	237.650.118
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phân phối LN năm trước	-	-	-	-	552.347.218	552.347.218	(9.205.786.972)	(8.101.092.536)
- Giảm khác	-	-	-	(100.561.881)	-	-	-	(100.561.881)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối đầu năm nay</b>	<b>104.000.000.000</b>	<b>41.982.000.000</b>	<b>(4.367.674.414)</b>	<b>(100.561.881)</b>	<b>2.848.284.327</b>	<b>632.528.033</b>	<b>12.240.124.325</b>	<b>157.234.700.390</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN BIỂN GỖ THUAN AN

Đơn vị: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Vốn góp của các cổ đông	101.300.000.000	101.300.000.000
- Cổ phiếu quỹ (i)	<u>2.700.000.000</u>	<u>2.700.000.000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>104.000.000.000</u></b>	<b><u>104.000.000.000</u></b>

(i): Số lượng cổ phiếu quỹ: 270.000 cổ phiếu  
Mệnh giá cổ phiếu quỹ: 10.000 VND/1 cổ phiếu

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	104.000.000.000	104.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	104.000.000.000	104.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.091.000.000	6.078.000.000

d. Cổ phiếu:

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.400.000	10.400.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.400.000	10.400.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.400.000	10.400.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	270.000	270.000
+ Cổ phiếu phổ thông	270.000	270.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.130.000	10.130.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.130.000	10.130.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/1 cổ phiếu	

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	2.848.284.327	2.295.937.109
- Quỹ dự phòng tài chính	632.528.033	80.180.815
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.480.812.360</u></b>	<b><u>2.376.117.924</u></b>



**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO  
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị: VND

**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>396.711.485.409</b>	<b>286.363.090.948</b>
- Doanh thu bán hàng	396.711.485.409	286.363.090.948
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-

**26. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
<b>Tổng các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>2.828.374.458</b>	<b>-</b>
- Hàng bán bị trả lại	2.828.374.458	-

**27. Doanh thu thuần**

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
<b>D. thu thuần về bán hàng và cung cấp d. vụ</b>	<b>393.883.110.951</b>	<b>286.363.090.948</b>
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	393.883.110.951	286.363.090.948
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	-

**28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
- Giá vốn thành phẩm đã bán	371.215.727.889	272.151.149.280
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng</b>	<b>371.215.727.889</b>	<b>272.151.149.280</b>

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.629.700.267	1.161.273.325
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.261.149.775	8.032.904.824
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9.890.850.042</b>	<b>9.194.178.149</b>

Đơn vị: VND

**30. Chi phí tài chính**

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
- Lãi tiền vay	428.018.542	372.175.143
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-



-	Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	-
-	Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	588.182.017	224.055.559
-	Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
-	Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-
-	Chi phí tài chính khác	-	59.205
	<b>Cộng</b>	<b>1.016.200.559</b>	<b>596.289.907</b>

**31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

		<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
-	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	3.157.624.428	2.386.901.854
-	Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của năm nay	81.349.901	-
	<b>Cộng</b>	<b>3.238.974.329</b>	<b>2.386.901.854</b>

(*)	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1)	15.479.098.654
	Các khoản tăng lợi nhuận tính thuế TNDN	(2)	309.023.487
	Trong đó bao gồm:		
	Chi phí không hợp lý		309.023.487
	Tổng lợi nhuận kế toán chịu thuế (= (1) + (2))	(3)	15.788.122.141
	Thuế suất thuế TNDN hiện hành	(4)	20%
	CP thuế TNDN hiện hành (= (3) * (4))	(5)	3.157.624.428

**33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

		<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
-	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	284.854.898.046	215.957.480.762
-	Chi phí nhân công	39.401.744.663	11.432.912.836
-	Chi phí khấu hao TSCĐ	11.274.960.419	11.291.890.727
-	Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.353.500.158	4.312.778.059
-	Chi phí khác bằng tiền	52.943.292.164	49.903.057.029
	<b>Cộng</b>	<b>392.828.395.450</b>	<b>292.898.119.413</b>

Đơn vị: VND

**34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:**

		<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
-	Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	12.240.124.325	9.205.786.973
-	Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.240.124.325	9.205.786.973
-	Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.130.000	10.130.000
-	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.208</b>	<b>909</b>



## V - GIẢI TRÌNH BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số : 31/2011/BCKT-AASCN

### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010  
của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An*

*Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC*

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An được lập ngày 24 tháng 02 năm 2011 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

#### **Cơ sở ý kiến:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

#### **Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Như thuyết minh tại mục VIII.01 trang 24, trong năm 2010, Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An có xuất khẩu lô hàng Rocking Chair cho Tập đoàn IKEA – Thụy Điển với doanh thu là 9.200.000.000 đồng. Tuy nhiên, đầu năm 2011 Tập đoàn IKEA – Thụy Điển đã có thông báo chưa chính thức về việc trả lại lô hàng này mà nguyên nhân theo ý kiến của phía khách hàng Ikea là do sản phẩm không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Hiện tại, hai bên đang làm việc với nhau để xác định phần lỗi cụ thể của mỗi bên, hướng giải quyết cũng như xác định giá trị thiệt hại mà mỗi bên phải gánh chịu. Do chưa thể ước tính được giá trị thiệt hại có thể phát sinh nên Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Thuận An chưa ghi nhận một khoản dự phòng phải trả trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010. Điều này cho thấy có khả năng Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Thuận An sẽ phát sinh một khoản lỗ trong tương lai cho việc xử lý lô hàng trên và sẽ ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty.

*Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2011*

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

**Bùi Ngọc Vương**  
Chứng chỉ KTV số: 0941/KTV

**Bùi Ngọc Hà**  
Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV



## CÁC NHẬN XÉT KHÁC

### - Thông tin so sánh:

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN).

### - Tính hoạt động liên tục của Công ty:

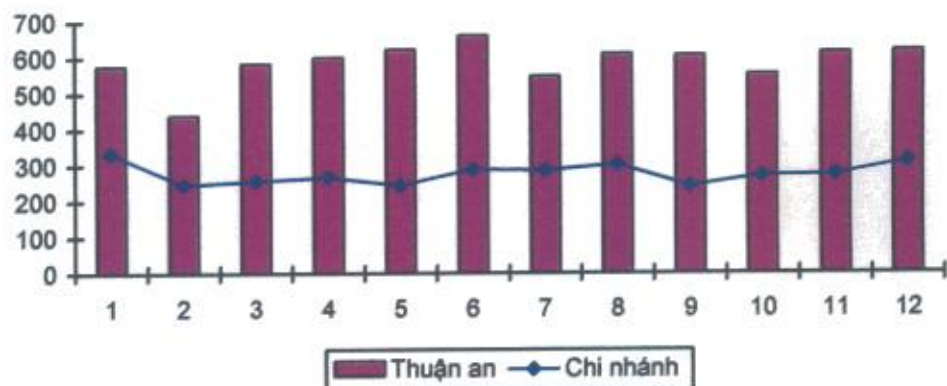
Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định công ty sẽ hoạt động liên tục.

## VI - TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Tổng số cán bộ công nhân viên tính đến ngày 31/12/2010 là 953 người.

Lao động bình quân toàn Công ty năm 2010: 865 người, tăng 32 người (3,84%) so với năm 2009: 833 người

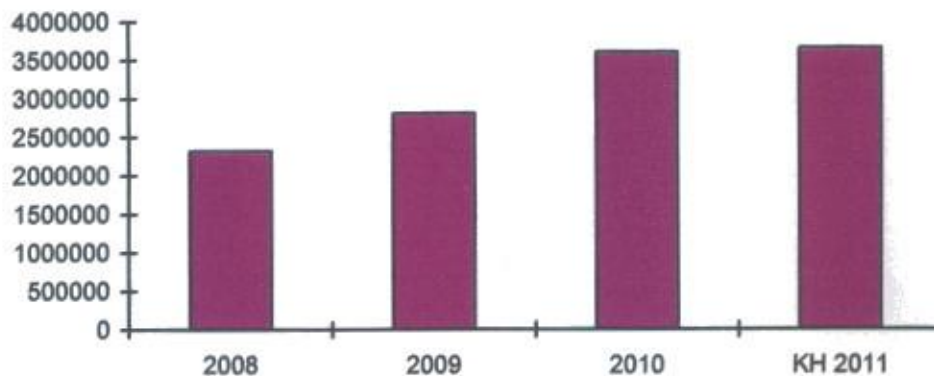
Lao động bình quân qua các tháng



Chính sách đối với người lao động được Công ty thực hiện theo đúng quy định của Luật lao động. Thu nhập bình quân trong năm đạt 3.591.317 đồng /người/tháng.



Thu nhập bình quân



Các chế độ chính sách cho người lao động được đảm bảo, trong dịp Tết năm Canh Dần 2010 vừa qua công ty đã chi thưởng cho CBCNV với tổng tiền thưởng 3.298.707.115 đ, bình quân: 3.922.363 đ/người (so với năm Canh Dần: tiền thưởng bình quân: 2.800.162 đ/người, tăng 40,08 %).

Tổng mức thù lao đã chi cho HĐQT và Ban kiểm soát trong năm 2010 là : 264.000.000 đồng.

📌 **Danh sách thành viên trong ban điều hành :**

▪ **Hội đồng quản trị**

- |                       |                 |
|-----------------------|-----------------|
| - Ông Lê Minh Châu    | - Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Nguyễn Văn Ngọc | - Ủy viên HĐQT  |
| - Ông Nguyễn Sỹ Thụy  | - Ủy viên HĐQT  |
| - Ông Ngô Trường Kỳ   | - Ủy viên HĐQT  |
| - Bà Lê Thị Xuyên     | - Ủy viên HĐQT  |

▪ **Danh sách Ban Giám đốc:**

- |                         |                    |
|-------------------------|--------------------|
| - Ông - Trần Văn Đá     | - Giám đốc Cty     |
| - Bà - Lê Thị Xuyên     | - Phó Giám đốc Cty |
| - Ông - Đặng Quốc Cường | - Phó Giám đốc Cty |

▪ **Danh sách Ban Kiểm soát:**

- |                         |              |
|-------------------------|--------------|
| - Bà Trần Thị Kim Thanh | - Trưởng ban |
| - Bà Nguyễn Thị Oanh    | - Thành viên |
| - Ông Nguyễn Hai        | - Thành viên |

📌 **Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong ban điều hành :**



### 1. Họ và tên: **LÊ MINH CHÂU** - Chủ tịch HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01-11-1953
- Nơi sinh: Thị trấn Dầu Tiếng - Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thị trấn Dầu Tiếng - Bình Dương
- Địa chỉ thường trú: Thị trấn Dầu Tiếng - Bình Dương
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 9322998
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :
  - Tham gia cách mạng tháng 05/1971
  - Năm 1984 đến 1994 : Giám đốc Công ty Cao su Krông Buk
  - Năm 1995 đến 2001 : Phó Giám đốc Công ty Cao su Dầu Tiếng
  - Năm 2002 đến 2004 : Giám đốc Công ty Cao su Phú Riềng
  - Năm 2005 đến nay : Phó tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam
- Số cổ phiếu nắm giữ 5.460 CP
- Thù lao nhận năm 2010: 54.000.000 đồng

### 2. Họ và tên: **NGUYỄN SỸ THỤY** - Ủy viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02-11-1955
- Nơi sinh: Bình Long, Bình Phước
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Phước
- Địa chỉ thường trú: Ấp 4B, Thị Trấn Lộc Ninh, Bình Phước.
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế



- Quá trình công tác:  
Năm 1972 đến nay Công tác tại Công ty cao su Lộc Ninh.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Giám đốc Công ty cao su Lộc Ninh.
- Thù lao nhận năm 2010: 33.000.000 đồng

### 3. Họ và tên: NGUYỄN VĂN NGỌC - Ủy viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12 - 01 - 1956
- Nơi sinh: Xã Tân An - TX Thủ Dầu Một - Tỉnh Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Dương
- Địa chỉ thường trú: 113/29/92 Phú Hòa, TX Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Sư Phạm
- Quá trình công tác:  
Năm 1975 - 1991 Phó phòng tổ chức cán bộ Sở giáo dục  
Năm 1997- nay Phó giám đốc Công ty Cao su Phước Hòa.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó giám đốc Công ty Cao su Phước Hòa.
- Số cổ phiếu nắm giữ CP
- Thù lao nhận năm 2010: 33.000.000 đồng

### 4. Họ và tên: NGÔ TRƯỜNG KỶ - Ủy viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26-07-1953
- Nơi sinh: TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: TP.HCM
- Địa chỉ thường trú: Phường Tân Bình, TX Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:



- Năm 1988 đến 1999 Kế toán trưởng Công ty cao su Đồng Phú.
- Năm 2000 đến nay Phó Giám đốc Công ty cao su Đồng Phú.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Giám đốc Công ty cao su Đồng Phú
- Số cổ phiếu nắm giữ CP
- Thù lao nhận năm 2010: 33.000.000 đồng

**5. Họ và tên: LÊ THỊ XUYẾN - P.Giám Đốc kiêm Ủy viên HĐQT**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 07-11-1972
- Nơi sinh: Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: 35 đường 20, P.Linh Chiểu, Q.Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650-3718 031
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
  - Từ năm 2002 đến 2003 Trưởng phòng SXKD Công ty CP CB gỗ Thuận An.
  - Từ năm 2004 đến 2008 Kế toán trưởng Công ty CP CB gỗ Thuận An.
  - Từ 01/07/08 đến nay Phó Giám đốc Công ty cổ phần Chế biến gỗ Thuận An.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Chế biến gỗ Thuận An.
- Số cổ phiếu nắm giữ 19.470 CP
- Thù lao nhận năm 2010: 33.000.000 đồng

**6. Họ và tên: TRẦN VĂN ĐÁ - Giám đốc Công ty**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26-11-1959
- Nơi sinh: Bình Thuận
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Thuận
- Địa chỉ thường trú: 61 đường số 6, Phường 4, Quận 4, TP.HCM



- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650-3718031
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ Hiện nay: Giám đốc Công ty CP CB gỗ Thuận An.
- Quá trình công tác:
  - Năm 1984 đến 1990: Công tác tại Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam.
  - Năm 1990 đến Tháng 06/2008: Công tác tại Cty CP XNK cao su, chức vụ cao nhất: Phó Giám đốc Cty CP XNK cao su.
  - Từ 01/07/2008 đến nay: Giám đốc Công ty CP CB gỗ Thuận An.
- Số cổ phiếu nắm giữ 10.000 CP
- Tiền lương, thưởng nhận năm 2010: 297.792.188 đồng

**7. Họ và tên: TRẦN THỊ KIM THANH - Trưởng ban KS**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 26/05/1966
- Nơi sinh: Thanh Hoá
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Bình
- Địa chỉ thường trú: Thị trấn An Lộc, Bình Long, Bình Phước
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0651-666186
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
  - Công tác tại phòng Kế toán Công ty Cao su Bình Long từ năm 1990
- Chức vụ Hiện nay: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
- Số cổ phiếu nắm giữ 3.550 CP
- Thù lao nhận năm 2010: 33.000.000 đồng

**8. Họ và tên: NGUYỄN THỊ OANH - TV Ban KS**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 20.08.1965
- Nơi sinh: Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh



- Quê quán: Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Phú Riêng, Phước Long, Bình Phước.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ Hiện nay: Phó phòng tài chính kế toán Công ty Cao su Phú Riêng
- Số cổ phiếu nắm giữ 2.000 CP
- Thù lao nhận năm 2010: 22.500.000 đồng

**9. Họ và tên: NGUYỄN HAI - TV Ban KS**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 30.01.1965
- Nơi sinh: Quảng Trị
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú: Xuân Lộc, Long Khánh, Đồng Nai.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Chức vụ Hiện nay: Phó phòng XD/CB Công ty Cao su Đồng Nai
- Số cổ phiếu nắm giữ CP
- Thù lao nhận năm 2010: 22.500.000 đồng



### DỮ LIỆU THỐNG KÊ CỔ ĐÔNG ĐẾN NGÀY 09/03/2011

STT	Cơ cấu	Số lượng CP	Tỷ lệ
1	<b>Trong nước</b>	<b>10.036.909</b>	<b>99,08%</b>
	Cá nhân	3.874.510	38,25%
	Tổ chức	6.162.399	60,83%
2	<b>Nước ngoài</b>	<b>93.091</b>	<b>0,92%</b>
	Cá nhân	74.616	0,74%
	Tổ chức	18.475	0,18%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>10.130.000</b>	<b>100,00%</b>

GIÁM ĐỐC



TRẦN VĂN ĐÀ

**Nơi nhận :**

- Ủy ban chứng khoán NN
- Sở GD&ĐT Tp.HCM
- Trung tâm lưu ký CK Tp.HCM
- Website : [www.tac.com.vn](http://www.tac.com.vn)
- Lưu VT

